

TÀI LIỆU

GIỚI THIỆU

LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG NĂM 2018

Biên soạn: **Tiến sĩ Nguyễn Tuấn Khanh**

Phó Viện trưởng Viện Chiến lược và Khoa học Thanh tra

Thanh tra Chính phủ

THÁNG 09 NĂM 2020

LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG NĂM 2018

Ngày 20/11/2018, Quốc hội thông qua Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14. Luật có 10 chương, 96 điều, thay thế cho Luật phòng, chống tham nhũng số 55/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 01/2007/QH12 và Luật số 27/2012/QH13. So với Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 và các Luật sửa đổi, bổ sung Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 thì Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 có rất nhiều quy định mới, từ những thay đổi về cách tiếp cận trong việc xác định khu vực tập trung phòng, chống tham nhũng cho đến thiết lập các biện pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng.

Thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng.

1. Quy định chung về hành vi và chủ thể tham nhũng

a. Quy định về hành vi tham nhũng

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 vẫn tiếp tục kế thừa quan niệm chung về tham nhũng theo tinh thần Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 và phù hợp với quan niệm phổ biến của cộng đồng quốc tế, theo đó, tham nhũng được xác định là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi.

Tuy nhiên, một điểm mới của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 so với Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 là đã bước đầu mở rộng chủ thể của tham nhũng sang khu vực ngoài nhà nước. Điều 2 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 xác định hành vi tham nhũng trong khu vực nhà nước và khu vực ngoài nhà nước như sau:

Thứ nhất, các hành vi tham nhũng trong khu vực nhà nước do người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước thực hiện, bao gồm:

- Tham ô tài sản;
- Nhận hối lộ;
- Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản;
- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi;

- Lạm quyền trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi;
- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi;
- Giả mạo trong công tác vì vụ lợi;
- Đưa hối lộ, môi giới hối lộ để giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc địa phương vì vụ lợi;
- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản công vì vụ lợi;
- Những nhiễu vì vụ lợi;
- Không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi;
- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bao che cho người có hành vi vi phạm pháp luật vì vụ lợi; cản trở, can thiệp trái pháp luật vào việc giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án vì vụ lợi.

Thứ hai, các hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước do người có chức vụ, quyền hạn trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước thực hiện bao gồm:

- Tham ô tài sản;
- Nhận hối lộ;
- Đưa hối lộ, môi giới hối lộ để giải quyết công việc của doanh nghiệp, tổ chức mình vì vụ lợi.

Như vậy, tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước chỉ được xác định giới hạn trong hành vi tham ô và liên quan đến hối lộ của người có chức vụ, quyền hạn. Khu vực ngoài nhà nước được Luật Phòng, chống tham nhũng quy định theo phương pháp loại trừ. Theo đó, cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước bao gồm cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước và tổ chức, đơn vị khác do Nhà nước thành lập, đầu tư cơ sở vật chất, cấp phát toàn bộ hoặc một phần kinh phí hoạt động, do Nhà nước trực tiếp quản lý hoặc tham gia quản lý nhằm phục vụ nhu cầu phát triển chung, thiết yếu của Nhà nước và xã hội. Những doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước là doanh nghiệp, tổ chức không phải là cơ quan, tổ chức, đơn vị nhà nước nói trên¹.

¹ Khoản 9, Khoản 10 Điều 2 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018

b. Quy định về chủ thể tham nhũng

Việc dần mở rộng quan niệm về hành vi tham nhũng sang khu vực ngoài nhà nước đòi hỏi phải có quy định về việc xác định các chủ thể tham nhũng cho phù hợp. Trước đây, theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 thì chủ thể tham nhũng chỉ là những người có chức vụ, quyền hạn trong khu vực nhà nước. Theo Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, chủ thể tham nhũng bao gồm cả người có chức vụ, quyền hạn trong khu vực nhà nước và người có chức vụ, quyền hạn trong khu vực ngoài nhà nước.

Khoản 2 Điều 2 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 giải thích:

Người có chức vụ, quyền hạn là người do bổ nhiệm, do bầu cử, do tuyển dụng, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó, bao gồm:

- Cán bộ, công chức, viên chức;
- Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, công nhân công an trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân;
- Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Người giữ chức danh, chức vụ quản lý trong doanh nghiệp, tổ chức;
- Những người khác được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ và có quyền hạn trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó.

2. Quy định về các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

Với quan điểm chung của Đảng và Nhà nước ta về phòng, chống tham nhũng hiện nay là “vừa tích cực, chủ động phòng ngừa vừa kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, trong đó phòng ngừa là chính”², Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 tiếp tục tập trung hoàn thiện khung thể chế về các biện pháp phòng ngừa. Mặc dù vẫn quy định với số lượng là 6 nhóm biện pháp phòng ngừa tham nhũng nhưng so với trước đây thì tên gọi, cơ cấu và nội dung các điều luật về các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 đã có sự thay đổi tương đối lớn. Ví dụ, chỉ tính riêng về

² Nghị quyết số 04/NQ-TW ngày 21 tháng 08 năm 2006 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí

số điều về các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, nếu như Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005, và các Luật sửa đổi, bổ sung năm 2007, năm 2012 có khoảng một phần ba số điều luật liên quan đến biện pháp công khai, minh bạch hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thì Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 lại có khoảng một phần ba số điều luật liên quan đến vấn đề kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn. Bên cạnh đó, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 còn quy định về những vấn đề như kiểm soát xung đột lợi ích, trách nhiệm giải trình....Có một số biện pháp phòng ngừa tham nhũng tuy không được Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định chi tiết như trong Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 nhưng không có nghĩa là biện pháp phòng ngừa tham nhũng đó không quan trọng. Ví dụ như biện pháp công khai, minh bạch tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 chỉ dành 9 điều với những quy định chung mang tính nguyên tắc, hình thức công khai. Tuy nhiên, nhìn trong toàn bộ hệ thống pháp luật hiện nay, vấn đề công khai, minh bạch hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được quy định trong các đạo luật chuyên ngành điều chỉnh các lĩnh vực của đời sống xã hội nên không cần thiết phải quy định chi tiết nội dung công khai trên từng lĩnh vực như Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005.

a. Quy định về công khai, minh bạch tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị

Công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị vẫn được xác định là biện pháp phòng ngừa tham nhũng quan trọng hàng đầu trong phòng, chống tham nhũng, được quy định tại Mục 1 Chương 2 Luật Phòng, chống tham nhũng với 9 điều luật. So với Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung năm 2012, số lượng điều khoản về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị tuy có giảm nhưng điều đó cũng là phù hợp, bởi lẽ, qua thời gian thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 đến nay, những nội dung cụ thể về công khai minh bạch trong các lĩnh vực hầu hết đã được quy định trong pháp luật chuyên ngành về quản lý trên các lĩnh vực. Vì vậy, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 chỉ quy định những vấn đề chung trong việc thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị là phù hợp và bảo đảm sự đồng bộ và tránh trùng lặp, chồng chéo với các văn bản pháp luật chuyên ngành.

Những vấn đề chung về công khai, minh bạch được Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định bao gồm nguyên tắc, nội dung, hình thức, trách nhiệm công khai và cung cấp thông tin cho báo chí, trách nhiệm giải trình.

- Về nguyên tắc:

Cơ quan, tổ chức, đơn vị phải công khai, minh bạch thông tin về tổ chức, hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình, trừ nội dung thuộc bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh và nội dung khác theo quy định của pháp luật. Việc công khai, minh bạch phải bảo đảm chính xác, rõ ràng, đầy đủ, kịp thời theo trình tự, thủ tục do cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quy định và phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

Cơ quan, tổ chức, đơn vị bắt buộc phải công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật về các nội dung sau đây:

+ Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức; người lao động; cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang và công dân;

+ Việc bố trí, quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công hoặc kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác;

+ Công tác tổ chức cán bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn;

+ Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung không thuộc trường hợp quy định trên đây nhưng theo quy định của pháp luật phải công khai, minh bạch.

Ngoài ra, cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân còn phải công khai, minh bạch về thủ tục hành chính.

- Về hình thức:

Việc công khai được thực hiện bằng các hình thức sau:

+ Công bố tại cuộc họp của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

+ Niêm yết tại trụ sở của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

+ Thông báo bằng văn bản đến cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan;

+ Phát hành ấn phẩm;

- + Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng;
- + Đăng tải trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử;
- + Tổ chức họp báo;
- + Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân.

Với các hình thức này, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thể lựa chọn thực hiện thêm hình thức công khai là công bố tại cuộc họp của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân nhưng bắt buộc phải phải thực hiện một hoặc một số hình thức công khai còn lại.

Trong các hình thức công khai nêu trên, hình thức tổ chức họp báo là hình thức công khai mới được bổ sung và được quy định chi tiết tại Điều 13 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018. Theo đó, cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tổ chức họp báo, phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí định kỳ hoặc đột xuất về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình, về công tác phòng, chống tham nhũng và xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng theo quy định của pháp luật về báo chí. Việc tổ chức họp báo, phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí đột xuất đối với vụ việc có liên quan đến tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình mà dư luận xã hội quan tâm.

- Về trách nhiệm thực hiện việc công khai, minh bạch, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tổ chức thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình đồng thời chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý thực hiện công khai, minh bạch; trường hợp phát hiện vi phạm pháp luật về công khai, minh bạch thì phải xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

- Về quyền yêu cầu cung cấp thông tin

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan báo chí, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó theo quy định của pháp luật. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, cơ quan, tổ chức, đơn vị được yêu cầu phải cung cấp thông tin, trừ trường hợp nội dung thông tin đã được công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, được phát hành ấn phẩm hoặc được niêm yết công khai; trường hợp

không cung cấp hoặc chưa cung cấp được thì phải trả lời bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức đã yêu cầu và nêu rõ lý do.

Công dân có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

Việc cung cấp thông tin của cơ quan, tổ chức, đơn vị cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang công tác, làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị đó được thực hiện theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở và quy định của pháp luật có liên quan.

- Về trách nhiệm giải trình

Điều 32a Luật Phòng, chống tham nhũng sửa đổi, bổ sung năm 2012 đã quy định về trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước nhưng chưa giải thích thuật ngữ “trách nhiệm giải trình”. Nghị định số 90/2013/NĐ, quy định trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao mới giải thích: “Giải trình là việc cơ quan nhà nước cung cấp, giải thích, làm rõ các thông tin về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đó”.

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 chính thức giải thích thuật ngữ này như sau: “*Trách nhiệm giải trình là việc cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền làm rõ thông tin, giải thích kịp thời, đầy đủ về quyết định, hành vi của mình trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao*”³. Mặc dù Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 giao Chính phủ quy định chi tiết việc thực hiện trách nhiệm giải trình nhưng cũng đưa ra những quy định chung như sau:

Thứ nhất, cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm giải trình về quyết định, hành vi của mình trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân bị tác động trực tiếp bởi quyết định, hành vi đó. Người thực hiện trách nhiệm giải trình là người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc người được phân công, người được ủy quyền hợp pháp để thực hiện trách nhiệm giải trình.

Thứ hai, trường hợp báo chí đăng tải thông tin về vi phạm pháp luật và có yêu cầu trả lời các vấn đề liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao thì cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền phải giải trình và công khai nội dung giải trình trên báo chí theo quy định của pháp luật.

³ Khoản 5 Điều 3 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018

Thứ ba, việc giải trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền giám sát hoặc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền khác được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

b. Quy định về thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

Biện pháp này bắt buộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị phải xây dựng, ban hành, thực hiện và kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về định mức, tiêu chuẩn, chế độ. Cụ thể là:

Thứ nhất, về xây dựng, ban hành và thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

Luật Phòng, chống tham nhũng quy định các cơ quan nhà nước, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

- Xây dựng, ban hành định mức, tiêu chuẩn, chế độ.
- Công khai quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ.
- Thực hiện và công khai kết quả thực hiện quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ.

Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức, đơn vị khác có sử dụng tài chính công, căn cứ vào quy định tại này, hướng dẫn áp dụng hoặc phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xây dựng, ban hành, công khai định mức, tiêu chuẩn, chế độ áp dụng trong tổ chức, đơn vị mình, thực hiện và công khai kết quả thực hiện quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đó.

Thứ hai, về kiểm tra, thanh tra việc chấp hành quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ và xử lý vi phạm

Luật Phòng, chống tham nhũng quy định cơ quan, tổ chức, đơn vị, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, kiểm tra, thanh tra việc chấp hành quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ và xử lý kịp thời người có hành vi vi phạm. Người có hành vi vi phạm quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ phải bị xử lý theo quy định và chịu trách nhiệm bồi thường như sau:

- Người cho phép sử dụng trái quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ phải hoàn trả phần giá trị mà mình cho phép sử dụng trái quy định và bồi thường thiệt hại; người sử dụng trái quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ có trách nhiệm liên đới bồi thường với người cho phép sử dụng trái quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ.

- Người tự ý sử dụng trái quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ phải hoàn trả phân giá trị mình sử dụng trái quy định và bồi thường thiệt hại.

c. Quy định về thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

Quy tắc ứng xử là các chuẩn mực xử sự gồm những việc phải làm hoặc không được làm phù hợp với pháp luật và đặc thù nghề nghiệp nhằm bảo đảm liêm chính, trách nhiệm, đạo đức công vụ của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ và trong quan hệ xã hội.

Trước đây, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 quy định xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp và việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức chung trong một mục và coi là một trong các trụ cột phòng ngừa tham nhũng. Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 đã tách việc thực hiện quy tắc ứng xử và việc chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thành hai mục riêng, coi như hai biện pháp phòng ngừa tham nhũng. Quy định về quy tắc đạo đức nghề nghiệp không được quy định thành một biện pháp phòng ngừa trong chương về các biện pháp phòng ngừa mà được quy định trong Chương VI về phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước.

Luật Phòng, chống tham nhũng đã quy định chung về những việc mà người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị không được làm những sau đây:

- Những nhiễu trong giải quyết công việc.
- Thành lập, tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã, trừ trường hợp luật có quy định khác.
- Tư vấn cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác ở trong nước và nước ngoài về công việc có liên quan đến bí mật nhà nước, bí mật công tác, công việc thuộc thẩm quyền giải quyết hoặc tham gia giải quyết.
- Thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã thuộc lĩnh vực mà trước đây mình có trách nhiệm quản lý trong thời hạn nhất định theo quy định của Chính phủ.
- Sử dụng trái phép thông tin của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Những việc khác mà người có chức vụ, quyền hạn không được làm theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Luật Doanh nghiệp và luật khác có liên quan.

Bên cạnh đó, với một số người có chức vụ, quyền hạn cụ thể, Luật Phòng chống tham nhũng còn quy định những trường hợp đặc thù, cụ thể như sau:

- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị không được bố trí vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của mình giữ chức vụ quản lý về tổ chức nhân sự, kế toán, làm thủ quỹ, thủ kho trong cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc giao dịch, mua bán hàng hóa, dịch vụ, ký kết hợp đồng cho cơ quan, tổ chức, đơn vị đó.

- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan nhà nước không được góp vốn vào doanh nghiệp hoạt động trong phạm vi ngành, nghề mà người đó trực tiếp thực hiện việc quản lý nhà nước hoặc để vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con kinh doanh trong phạm vi ngành, nghề do người đó trực tiếp thực hiện việc quản lý nhà nước.

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người giữ chức danh, chức vụ quản lý khác trong doanh nghiệp nhà nước không được ký kết hợp đồng với doanh nghiệp thuộc sở hữu của vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột; cho phép doanh nghiệp thuộc sở hữu của vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột tham dự các gói thầu của doanh nghiệp mình; bố trí vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột giữ chức vụ quản lý về tổ chức nhân sự, kế toán, làm thủ quỹ, thủ kho trong doanh nghiệp hoặc giao dịch, mua bán hàng hóa, dịch vụ, ký kết hợp đồng cho doanh nghiệp.

Biện pháp thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị còn có hai nội dung quan trọng là tặng quà, nhận quà tặng và kiểm soát xung đột lợi ích. Quy định về tặng quà và nhận quà tặng trong Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 tiếp tục kế thừa quy định trong Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005. Quy định về kiểm soát xung đột lợi ích là quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

- Về tặng quà và nhận quà tặng:

+ Cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có chức vụ, quyền hạn không được sử dụng tài chính công, tài sản công làm quà tặng, trừ trường hợp tặng quà vì mục đích từ thiện, đối ngoại và trong trường hợp cần thiết khác theo quy định của pháp luật.

+ Cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có chức vụ, quyền hạn không được trực tiếp hoặc gián tiếp nhận quà tặng dưới mọi hình thức của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến công việc do mình giải quyết hoặc thuộc phạm vi quản lý của mình.

- Về kiểm soát xung đột lợi ích:

Thuật ngữ “xung đột lợi ích” lần đầu tiên được giải thích trong Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, đó được xác định là tình huống mà trong đó lợi ích của người có chức vụ, quyền hạn hoặc người thân thích của họ tác động hoặc sẽ tác động không đúng đến việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ⁴.

Người được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ nếu biết hoặc buộc phải biết nhiệm vụ, công vụ được giao có xung đột lợi ích thì phải báo cáo người có thẩm quyền để xem xét, xử lý.

Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khi phát hiện có xung đột lợi ích của người có chức vụ, quyền hạn thì phải thông tin, báo cáo cho người trực tiếp quản lý, sử dụng người đó để xem xét, xử lý.

Người trực tiếp quản lý, sử dụng người có chức vụ, quyền hạn khi phát hiện có xung đột lợi ích và nếu thấy việc tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, công vụ không bảo đảm tính đúng đắn, khách quan, trung thực thì phải xem xét, áp dụng một trong các biện pháp sau đây:

+ Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao của người có xung đột lợi ích;

+ Đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao của người có xung đột lợi ích;

+ Tạm thời chuyển người có xung đột lợi ích sang vị trí công tác khác.

d. Quy định về chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

Biện pháp chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng được quy định từ khi có Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 và áp dụng đối với đối với cán bộ, công chức, viên chức không giữ chức vụ quản lý và chỉ quy định trong một điều mang tính quy định chung. Sau khi Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 có hiệu lực thi hành, Chính phủ đã ban hành nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành nội dung này.

⁴ Khoản 8 Điều 2 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 đã quy định chi tiết hơn về nguyên tắc, vị trí, thời hạn phải định kỳ chuyển đổi và kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

- Về nguyên tắc chuyển đổi vị trí công tác:

+ Cơ quan, tổ chức, đơn vị theo thẩm quyền có trách nhiệm định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và viên chức trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình nhằm phòng ngừa tham nhũng. Việc luân chuyển cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thực hiện theo quy định về luân chuyển cán bộ.

+ Việc chuyển đổi vị trí công tác phải bảo đảm khách quan, hợp lý, phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ và không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

+ Việc chuyển đổi vị trí công tác phải được thực hiện theo kế hoạch và được công khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

+ Không được lợi dụng việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức vì vụ lợi hoặc để trừ dập cán bộ, công chức, viên chức.

Các nguyên tắc trên đây cũng được áp dụng đối với những người công tác trong lực lượng vũ trang mà không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, bao gồm: Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, công nhân công an trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân.

- Về vị trí công tác định kỳ chuyển đổi:

Người có chức vụ, quyền hạn làm việc tại một số vị trí liên quan đến công tác tổ chức cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công, trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác phải được chuyển đổi vị trí công tác.

- Về thời hạn phải định kỳ chuyển đổi:

Thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác là từ đủ 02 năm đến 05 năm theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực.

Đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị chỉ có một vị trí phải định kỳ chuyển đổi công tác mà vị trí này có yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ đặc thù so với vị trí khác của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó thì việc chuyển đổi vị trí công tác do người

đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng người có chức vụ, quyền hạn đề nghị với cơ quan có thẩm quyền quyết định chuyển đổi.

- Về Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác:

Định kỳ hằng năm, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải ban hành và công khai kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác đối với người có chức vụ, quyền hạn theo thẩm quyền quản lý cán bộ.

Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác phải nêu rõ mục đích, yêu cầu, trường hợp cụ thể phải chuyển đổi vị trí công tác, thời gian thực hiện chuyển đổi, quyền, nghĩa vụ của người phải chuyển đổi vị trí công tác và biện pháp tổ chức thực hiện.

e. Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt

- Về cải cách hành chính:

Luật Phòng, chống tham nhũng không quy định chung về những nội dung cải cách hành chính nhằm phòng ngừa tham nhũng mà quy định trực tiếp về vấn đề thực hiện các thủ tục hành chính, kiểm soát việc thực nhiệm vụ, công vụ, việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Cụ thể là, cơ quan, tổ chức, đơn vị, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phải có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

+ Công khai, hướng dẫn thủ tục hành chính, đơn giản hóa và cắt giảm thủ tục trực tiếp tiếp xúc với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khi giải quyết công việc;

+ Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ, việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công;

+ Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; quy định về vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình;

Bên cạnh đó, các cơ quan, tổ chức, đơn vị còn phải thực hiện nhiệm vụ khác về cải cách hành chính.

- Về ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý

Ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý có tác động tích cực đến việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân, làm hạn chế khả năng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để nhũng nhiễu, tiêu cực cho doanh nghiệp, tổ chức, công dân. Vì vậy, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tăng cường đầu tư trang

thiết bị, nâng cao năng lực, đẩy mạnh sáng tạo và ứng dụng khoa học, công nghệ trong tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình. Các Bộ, ngành có trách nhiệm đẩy mạnh xây dựng và vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu quốc gia phục vụ cho việc quản lý ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật.

- Về thanh toán không dùng tiền mặt

Trước đây, Điều 58 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 quy định việc đổi mới phương thức thanh toán và xác định trách nhiệm của Nhà nước và của Chính phủ trong việc áp dụng các biện pháp quản lý, các giải pháp tài chính, công nghệ để nhằm thúc đẩy các giao dịch thông qua tài khoản. Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 đã quy định trực tiếp việc thanh toán không dùng tiền mặt. Theo đó, cơ quan, tổ chức, đơn vị phải thực hiện việc thanh toán không dùng tiền mặt đối với các khoản thu, chi sau đây:

+ Các khoản thu, chi có giá trị lớn tại địa bàn đáp ứng điều kiện về cơ sở hạ tầng để thực hiện việc thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định của Chính phủ;

+ Các khoản chi lương, thưởng và chi khác có tính chất thường xuyên.

Đồng thời, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 cũng giao cho Chính phủ áp dụng biện pháp tài chính, công nghệ để giảm việc sử dụng tiền mặt trong các giao dịch.

g. Kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

Nhìn lại quá trình phát triển của pháp luật về phòng, chống tham nhũng cho thấy các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn ngày càng được quy định chi tiết và hoàn thiện hơn. Nếu như Pháp lệnh Phòng, chống tham nhũng năm 1998 chỉ quy định việc kê khai tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn thì đến Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 đã quy định riêng một mục về minh bạch tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn. Luật sửa đổi, bổ sung Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2012 tiếp tục hoàn thiện các quy định về công khai bản kê khai tài sản, trách nhiệm giải trình về biến động tài sản và nguồn gốc tài sản tăng thêm, quy định chi tiết việc xác minh bản kê khai và xử lý đối với người kê khai không trung thực....

Luật Phòng, chống tham nhũng có sự kế thừa và phát triển so các quy định của pháp luật trước đây. Những quy định mới trong Luật Phòng, chống

tham những năm 2018 phản ánh quá trình đổi mới trong nhận thức về vấn đề này. Ngay từ tên gọi của biện pháp này, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 đã sử dụng cụm từ “kiểm soát tài sản, thu nhập” thay cho “kê khai tài sản, thu nhập” hay “minh bạch tài sản, thu nhập” trong các văn bản trước đây. Với quy định trong 4 tiểu mục và 29 điều luật, có thể thấy rằng cơ chế kiểm soát tài sản, thu nhập theo Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 đã có những thay đổi căn bản thông qua các quy định cụ thể về đối tượng phải kê khai, loại tài sản, thu nhập phải kê khai, phương thức, thời điểm kê khai, xác minh tài sản, thu nhập... cho đến việc thiết lập hệ thống cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập và cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập.

Thứ nhất, về kê khai tài sản, thu nhập:

Trước đây, theo Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005, đối tượng phải kê khai tài sản, thu nhập bao gồm: cán bộ từ Phó trưởng phòng của Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trở lên và tương đương trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị; một số cán bộ, công chức tại xã, phường, thị trấn; người làm công tác quản lý ngân sách, tài sản của Nhà nước hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân; người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân⁵. Nghị định số 78/2013/NĐ-CP, quy định về minh bạch tài sản, thu nhập đã liệt kê và phân loại thành 9 nhóm đối tượng là người có nghĩa vụ phải kê khai tài sản, thu nhập⁶. Việc kê khai tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn được thực hiện hàng năm. Mỗi năm cả nước có khoảng 1,1 triệu bản kê khai tài sản, thu nhập.

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 đã quy định theo hướng vừa mở rộng nhưng đồng thời vừa thu hẹp phạm vi trong kê khai tài sản, thu nhập.

Việc mở rộng phạm vi kê khai được thể hiện tại Điều 34 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 với quy định 4 nhóm người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập, bao gồm: (i) Cán bộ, công chức; (ii) sĩ quan Công an nhân dân; sĩ quan Quân đội nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp; (iii) người giữ chức vụ từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, người được cử làm đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; (iv) người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân. Với quy định này, tất cả các cán bộ, công chức đều phải kê khai tài sản, thu nhập.

⁵ Điều 44 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005

⁶ Điều 7 Nghị định số 78/2013/NĐ-CP, quy định về minh bạch tài sản, thu nhập

Việc thu hẹp phạm vi thực hiện việc kê khai thể hiện tại Điều 36 về Phương thức và thời điểm kê khai tài sản, thu nhập. Riêng với người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân thì thời điểm kê khai được thực hiện theo quy định của pháp luật về bầu cử. Các đối tượng khác phải thực hiện việc kê khai lần đầu, kê khai bổ sung và kê khai hàng năm.

Kê khai lần đầu sẽ được thực hiện đối với những người đang giữ vị trí công tác và người lần đầu giữ vị trí công tác thuộc diện phải kê khai. Với người đang giữ vị trí công tác phải kê khai thì việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2019. Người lần đầu giữ vị trí công tác thuộc diện phải kê khai thì việc kê khai phải hoàn thành chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được tiếp nhận, tuyển dụng, bổ trí vào vị trí công tác.

Kê khai hàng năm được thực hiện đối với những người giữ chức vụ từ Giám đốc sở và tương đương trở lên và những người không giữ chức vụ này nhưng làm công tác tổ chức cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác theo quy định của Chính phủ. Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12.

Kê khai bổ sung được thực hiện khi người có nghĩa vụ kê khai có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên. Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 của năm có biến động về tài sản, thu nhập, trừ trường hợp đã kê khai hàng năm.

Bên cạnh đó, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 còn quy định về kê khai phục vụ công tác cán bộ, được thực hiện đối với người có nghĩa vụ kê khai khi dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác. Việc kê khai phải hoàn thành chậm nhất là 10 ngày trước ngày dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác.

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 còn quy định tổ chức việc kê khai tài sản, thu nhập; tiếp nhận, quản lý, bàn giao bản kê khai tài sản, thu nhập; công khai bản kê khai tài sản, thu nhập và theo dõi biến động tài sản, thu nhập.

Thứ hai, về xác minh tài sản, thu nhập:

- Về căn cứ xác minh tài sản, thu nhập.

Trước đây, Điều 47 Luật Phòng, chống tham nhũng sửa đổi, bổ sung năm 2012 quy định việc xác minh tài sản khi có một trong bố căn cứ sau: (i) Khi có tố cáo về việc không trung thực trong kê khai tài sản của người có nghĩa vụ kê khai; (ii) khi xét thấy cần có thêm thông tin phục vụ cho việc bầu cử, bổ nhiệm,

cách chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc kỷ luật đối với người có nghĩa vụ kê khai tài sản; (iii) khi có căn cứ cho rằng việc giải trình về nguồn gốc tài sản tăng thêm không hợp lý; (iv) khi có yêu cầu của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

Điều 41 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 đã mở rộng căn cứ xác minh tài sản, thu nhập. Theo đó, việc xác minh tài sản, thu nhập được thực hiện khi có một trong năm căn cứ sau:

- + Có dấu hiệu rõ ràng về việc kê khai tài sản, thu nhập không trung thực;
 - + Có biến động tăng về tài sản, thu nhập từ 300.000.000 đồng trở lên so với tài sản, thu nhập đã kê khai lần liền trước đó mà người có nghĩa vụ kê khai giải trình không hợp lý về nguồn gốc;
 - + Có tố cáo về việc kê khai tài sản, thu nhập không trung thực và đủ điều kiện thụ lý theo quy định của Luật Tố cáo;
 - + Thuộc trường hợp xác minh theo kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập hàng năm đối với người có nghĩa vụ kê khai được lựa chọn ngẫu nhiên;
 - + Có yêu cầu hoặc kiến nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền.
- Về nội dung xác minh tài sản, thu nhập.

Điều 43 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định rõ nội dung xác minh tài sản, thu nhập là tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của bản kê khai và tính trung thực trong việc giải trình về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm.

- Về xử lý hành vi kê khai tài sản, thu nhập không trung thực, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm không trung thực

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 không có quy định cụ thể về việc xử lý đối với tài sản, thu nhập được kê khai không trung thực hoặc tài sản, thu nhập tăng thêm mà không được giải trình nguồn gốc mà chỉ quy định xử lý đối với người có hành vi kê khai tài sản, thu nhập không trung thực, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm không trung thực. Cụ thể là:

+ Người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân mà kê khai tài sản, thu nhập không trung thực, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm không trung thực thì bị xóa tên khỏi danh sách những người ứng cử.

+ Người được dự kiến bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, phê chuẩn, cử giữ chức vụ mà kê khai tài sản, thu nhập không trung thực, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm không trung thực thì không được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, phê chuẩn, cử vào chức vụ đã dự kiến.

Những người có nghĩa vụ kê khai không thuộc hai trường hợp trên đây mà kê khai tài sản, thu nhập không trung thực, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm không trung thực thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, bị xử lý kỷ luật bằng một trong các hình thức cảnh cáo, hạ bậc lương, giáng chức, cách chức, buộc thôi việc hoặc bãi nhiệm; nếu được quy hoạch vào các chức danh lãnh đạo, quản lý thì còn bị đưa ra khỏi danh sách quy hoạch; trường hợp xin thôi làm nhiệm vụ, từ chức, miễn nhiệm thì có thể xem xét không kỷ luật.

Để thực hiện việc xác minh tài sản, thu nhập, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 đã có các quy định về: thẩm quyền yêu cầu, kiến nghị xác minh tài sản, thu nhập; trình tự xác minh tài sản, thu nhập; quyết định xác minh tài sản, thu nhập; tổ xác minh tài sản, thu nhập; quyền và nghĩa vụ của người được xác minh tài sản, thu nhập; báo cáo kết quả xác minh tài sản, thu nhập; kết luận xác minh tài sản, thu nhập; công khai Kết luận xác minh tài sản, thu nhập.

Thứ ba, về thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong kiểm soát tài sản, thu nhập

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 là văn bản quy phạm pháp luật đầu tiên quy định về cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập. Mô hình cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập được quy định có thể coi là mô hình bán tập trung. Theo đó đó, các cơ quan thanh tra nhà nước tập trung kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong hệ thống hành chính. Các cơ quan khác kiểm soát tài sản, thu nhập theo phạm vi quản lý của mình. Cụ thể là:

- Thanh tra Chính phủ kiểm soát tài sản, thu nhập của người giữ chức vụ từ Giám đốc sở và tương đương trở lên công tác tại Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chính quyền địa phương, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan, tổ chức do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, doanh nghiệp nhà nước; người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập thuộc thẩm quyền quản lý của mình.

- Thanh tra tỉnh kiểm soát tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của chính quyền địa phương, trừ trường hợp quy định thuộc thẩm quyền của Thanh tra Chính phủ.

- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ kiểm soát tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, trừ trường hợp quy định thuộc thẩm quyền của Thanh tra Chính phủ.

- Cơ quan giúp Ủy ban Thường vụ Quốc hội về công tác đại biểu kiểm soát tài sản, thu nhập của đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách và người có nghĩa vụ kê khai khác thuộc thẩm quyền quản lý cán bộ của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Văn phòng Quốc hội kiểm soát tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai công tác tại cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

- Văn phòng Chủ tịch nước kiểm soát tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai công tác tại Văn phòng Chủ tịch nước.

- Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước kiểm soát tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai công tác tại Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm toán nhà nước.

- Cơ quan có thẩm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam, cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội kiểm soát tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai công tác trong hệ thống cơ quan, tổ chức đó.

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 cũng có quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong kiểm soát tài sản, thu nhập.

Thứ tư, về Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập

Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập bao gồm thông tin về bản kê khai, Kết luận xác minh tài sản, thu nhập và các dữ liệu khác có liên quan đến việc kiểm soát tài sản, thu nhập được xây dựng và quản lý tập trung tại Thanh tra Chính phủ. Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có quyền tiếp cận, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập để phục vụ cho việc xác minh tài sản, thu nhập trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Việc cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập chỉ được thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền. Yêu cầu cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập phải được thực hiện bằng văn bản. Văn bản yêu cầu phải nêu rõ lý do, mục đích sử dụng và phạm vi, nội dung, thông tin, dữ liệu phải cung cấp.

3. Quy định về các biện pháp phát hiện và xử lý tham nhũng

Phát hiện tham nhũng trước hết là trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị nói chung, trong đó có các cơ quan bảo vệ pháp luật. Đồng thời đó là quyền của cá nhân và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và những người làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định ba nhóm biện pháp phát hiện tham nhũng.

a. Phát hiện tham nhũng thông qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị

Hoạt động kiểm tra là hoạt động thường xuyên trong quản lý, thông qua việc kiểm tra, chủ thể quản lý nắm bắt được tình hình thực hiện công vụ, nhiệm vụ của cấp dưới, kịp thời nắm bắt những vướng mắc, bất cập hoặc những vi phạm để khắc phục, xử lý. Để phát huy được vai trò, ý nghĩa của hoạt động kiểm tra với việc phát hiện tham nhũng, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 tiếp tục kế thừa Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 và quy định công tác kiểm tra để phát hiện tham nhũng là trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước. Người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của mình nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý tham nhũng. Khi phát hiện có hành vi tham nhũng, người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước phải kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, người đứng đầu của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị còn phải tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình trực tiếp quản lý. Cụ thể là người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm chủ động tổ chức kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của người có chức vụ, quyền hạn do mình quản lý mà thường xuyên, trực tiếp giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý tham nhũng. Đồng thời, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm thường xuyên đôn đốc đơn vị trực thuộc kiểm tra người có chức vụ, quyền hạn do mình quản lý trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ. Khi phát hiện có hành vi tham nhũng, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 cũng quy định việc kiểm tra có thể thực hiện theo hình thức thường xuyên hoặc đột xuất. Kiểm tra thường xuyên được tiến hành theo chương trình, kế hoạch và tập trung vào lĩnh vực,

hoạt động dễ phát sinh tham nhũng. Kiểm tra đột xuất được tiến hành khi phát hiện có dấu hiệu tham nhũng.

b. Phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm toán.

- Phát hiện tham nhũng qua hoạt động giám sát

Giám sát là việc chủ thể giám sát theo dõi, xem xét, đánh giá hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát trong việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, xử lý theo thẩm quyền hoặc yêu cầu, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý⁷. Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân quy định các chủ thể giám sát bao gồm: Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân.

Thông qua hoạt động giám sát, các chủ thể có thể phát hiện tham nhũng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị là đối tượng giám sát. Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 coi đây là một trong những biện pháp phát hiện tham nhũng của cơ quan có thẩm quyền và quy định tập trung vào hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử. Thông qua hoạt động giám sát, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân nếu phát hiện vụ việc có dấu hiệu tham nhũng thì đề nghị Cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân xử lý theo quy định của pháp luật.

- Phát hiện tham nhũng qua hoạt động thanh tra, kiểm toán

Hoạt động thanh tra, kiểm toán hiện nay được thực hiện theo quy định của Luật Thanh tra năm 2010 và Luật Kiểm toán nhà nước năm 2015.

Hoạt động thanh tra trong việc phát hiện tham nhũng được hiểu là thanh tra nhà nước, đó là hoạt động xem xét, đánh giá, xử lý theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân⁸.

⁷ Khoản 1 Điều 2 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

⁸ Khoản 1 Điều 3 Luật Thanh tra năm 2010.

Hoạt động kiểm toán của Kiểm toán nhà nước là việc đánh giá và xác nhận tính đúng đắn, trung thực của các thông tin tài chính công, tài sản công hoặc báo cáo tài chính liên quan đến quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công; việc chấp hành pháp luật và hiệu quả trong việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công⁹.

Cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước là những cơ quan có vai trò rất quan trọng trong phát hiện tham nhũng. Trong 10 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005, qua hoạt động thanh tra, kiểm tra phát hiện nhiều tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm trên các lĩnh vực; kiến nghị xử lý kỷ luật hành chính đối với 8.234 tập thể, 33.722 cá nhân; kiến nghị thu hồi 142.160 tỷ đồng, 993.978 USD và 51.515 ha đất; chuyển cơ quan điều tra 752 vụ, 1.143 đối tượng. Qua hoạt động thanh tra cũng đã phát hiện 670 vụ với 1.815 đối tượng có hành vi, biểu hiện tham nhũng với số tiền, tài sản liên quan là 1.022 tỷ đồng, 73,6 ha đất; chuyển cơ quan điều tra 274 vụ, 429 đối tượng có dấu hiệu tội phạm tham nhũng. Kiểm toán Nhà nước đã phát hiện và kiến nghị xử lý tài chính hơn 187.530 tỷ đồng, chuyển hồ sơ sang cơ quan có thẩm quyền xử lý tổng số 477 vụ việc (trong đó chuyển cơ quan điều tra 73 vụ với 159 người có hành vi tham nhũng); đóng góp nhiều kiến nghị để hoàn thiện chính sách, pháp luật¹⁰.

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 tiếp tục quy định trách nhiệm của các cơ quan thanh tra và kiểm toán trong phát hiện tham nhũng. Cụ thể là thông qua hoạt động thanh tra, kiểm toán có trách nhiệm chủ động phát hiện hành vi tham nhũng, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình. Trong quá trình thanh tra, kiểm toán nếu phát hiện vụ việc có dấu hiệu tham nhũng thì người ra quyết định thanh tra, người ra quyết định kiểm toán phải chỉ đạo xác minh, làm rõ vụ việc tham nhũng và xử lý theo quy định. Với vụ việc có dấu hiệu tội phạm thì chuyển ngay hồ sơ vụ việc và kiến nghị Cơ quan điều tra xem xét, khởi tố vụ án hình sự, đồng thời thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp. Trường hợp vụ việc không có dấu hiệu tội phạm thì kiến nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền xử lý người có hành vi vi phạm. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền xử lý phải thông báo bằng văn bản về kết quả xử lý cho Cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước đã kiến nghị.

⁹ Khoản 5 Điều 3 Luật Kiểm toán nhà nước năm 2015.

¹⁰ Chính phủ: Báo cáo số 330/BC-CP ngày 22 tháng 9 năm 2016 tổng kết 10 năm thực hiện Luật PCTN

Để tăng cường trách nhiệm của cơ quan thanh tra, kiểm toán trong phát hiện tham nhũng, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định việc xử lý vi phạm trong hoạt động thanh tra, kiểm toán theo hướng nếu đã tiến hành thanh tra, kiểm toán về cùng một nội dung nhưng không phát hiện tham nhũng mà sau đó cơ quan có thẩm quyền khác phát hiện có vụ việc tham nhũng xảy ra tại cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được thanh tra kiểm toán thì tùy theo mức độ người ra quyết định thanh tra, kiểm toán, Trưởng đoàn thanh tra, Trưởng đoàn kiểm toán, thành viên đoàn thanh tra, thành viên đoàn kiểm toán và cá nhân có liên quan đã tiến hành thanh tra, kiểm toán trước đó phải bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

c. Phát hiện tham nhũng thông qua phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng

Phản ánh, tố cáo về các hành vi tiêu cực trong xã hội là quyền của con người. Trên thực tế, trong nhiều trường hợp rất khó phân định phản ánh với tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, trong trường hợp này, có thể hiểu khái quát rằng phản ánh là cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin về những hành vi, vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Còn tố cáo là việc cá nhân báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân¹¹. Xét về mức độ thì các thông tin tố cáo hành vi vi phạm pháp luật có cơ sở rõ ràng hơn so với các thông tin phản ánh.

Tham nhũng là hành vi vi phạm pháp luật. Vì vậy, khi một người phát hiện vụ việc hoặc cá nhân có dấu hiệu tham nhũng thì có quyền phản ánh, tố cáo đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết. Việc xử lý, giải quyết các phản ánh, tố cáo tham nhũng hiện nay được thực hiện theo quy định của pháp luật về tiếp công dân và pháp luật về tố cáo và giải quyết tố cáo.

Phản ánh, tố cáo tham nhũng trong thời gian qua đã trở thành một kênh thông tin quan trọng để các cơ quan có thẩm quyền phát hiện và xử lý tham nhũng. Tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 cho thấy qua giải quyết 86.463 vụ việc tố cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền đã chuyển cơ quan điều tra 653 vụ việc với 1.172 người có dấu hiệu tội phạm tham nhũng¹².

¹¹ Khoản 1 Điều 2 Luật Tố cáo năm 2018

¹² Chính phủ: Báo cáo số 330/BC-CP ngày 22 tháng 9 năm 2016 tổng kết 10 năm thực hiện Luật PCTN

So với Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 bổ sung nội dung phản ánh, báo cáo hành vi tham nhũng. Những nội dung này gắn với quyền và trách nhiệm của các chủ thể cụ thể.

Thứ nhất, phản ánh, tố cáo và xử lý phản ánh, giải quyết tố cáo về hành vi tham nhũng. Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh về hành vi tham nhũng được thực hiện theo quy định của pháp luật về tiếp công dân. Việc tiếp nhận, giải quyết tố cáo về hành vi tham nhũng được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố cáo. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền khi nhận được phản ánh, tố cáo về hành vi tham nhũng phải xem xét, xử lý kịp thời và áp dụng các biện pháp bảo vệ người phản ánh, tố cáo.

Thứ hai, về báo cáo và xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng

Báo cáo về hành vi tham nhũng là quy định mới trong Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, quy định này ràng buộc trách nhiệm của những người làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phòng, chống tham nhũng. Cụ thể là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang khi phát hiện hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi mình công tác thì phải báo cáo ngay với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị đó; trường hợp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan đến hành vi tham nhũng thì phải báo cáo với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý cán bộ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo về hành vi tham nhũng, người được báo cáo phải xử lý vụ việc theo thẩm quyền hoặc chuyển cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét, xử lý và thông báo cho người báo cáo biết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày; trường hợp cần thiết thì người được báo cáo quyết định hoặc đề nghị người có thẩm quyền áp dụng các biện pháp ngăn chặn, khắc phục hậu quả của hành vi tham nhũng và bảo vệ người báo cáo.

Luật Phòng, chống tham nhũng cũng quy định nguyên tắc trong bảo vệ người phản ánh, tố cáo, báo cáo hành vi tham nhũng. Cụ thể là việc bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố cáo. Người phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng được áp dụng các biện pháp bảo vệ như bảo vệ người tố cáo.

4. Quy định về trách nhiệm của các chủ thể trong phòng, chống tham nhũng

a. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị

Thực tiễn công tác phòng, chống tham nhũng cho thấy người đứng đầu có vai trò rất quan trọng trong việc tổ chức thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị cũng như chịu trách nhiệm khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình phụ trách quản lý. Quy định về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phòng, chống tham nhũng trong Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 được kế thừa phát triển từ các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung năm 2012, thể hiện trên ba nội dung:

Thứ nhất, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải chỉ đạo việc thực hiện Thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng; kịp thời phát hiện, xử lý theo thẩm quyền và kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình; thực hiện quy định khác của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

Đồng thời, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cũng có trách nhiệm gương mẫu, liêm khiết; chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy tắc đạo đức kinh doanh.

Thứ hai, trách nhiệm trong việc áp dụng biện pháp tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển sang vị trí công tác khác đối với người có chức vụ, quyền hạn có hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến tham nhũng.

Quy định về áp dụng biện pháp tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển sang vị trí công tác khác đối với người có dấu hiệu tham nhũng lần đầu tiên được quy định trong Nghị định số 59/2013/NĐ-CP, quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng. Theo đó, việc quyết định tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển vị trí công tác khác đối với cán bộ, công chức, viên chức chỉ được thực hiện khi có căn cứ cho rằng cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến tham nhũng và đồng thời người đó có dấu hiệu gây khó khăn cho việc xem xét, xử lý nếu vẫn tiếp tục làm việc. Việc lựa chọn áp dụng biện pháp tạm đình chỉ công tác hoặc tạm thời chuyển vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc người có thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức, viên chức quyết định căn cứ vào tính chất, mức độ của từng vụ việc cụ thể và yêu cầu bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, tổ chức, đơn vị đó. Thời hạn tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển vị trí công tác khác đối với cán bộ, công

chức, viên chức tối đa là 90 ngày, kể từ ngày ra quyết định tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển vị trí công tác khác.

Điều 71 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc áp dụng biện pháp tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển sang vị trí công tác khác như sau:

- Khi có căn cứ cho rằng người có chức vụ, quyền hạn có hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến tham nhũng, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị theo thẩm quyền hoặc yêu cầu, đề nghị người có thẩm quyền quản lý cán bộ đối với người có chức vụ, quyền hạn tạm đình chỉ công tác hoặc tạm thời chuyển sang vị trí công tác khác đối với người có hành vi vi phạm để xác minh, làm rõ hành vi tham nhũng nếu xét thấy người đó tiếp tục làm việc có thể gây khó khăn cho việc xem xét, xử lý.

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc người có thẩm quyền quản lý cán bộ đối với người có chức vụ, quyền hạn phải xem xét tạm đình chỉ công tác hoặc tạm thời chuyển sang vị trí công tác khác đối với người có chức vụ, quyền hạn khi nhận được yêu cầu của Cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân nếu trong quá trình thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử có căn cứ cho rằng người đó có hành vi tham nhũng.

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc người có thẩm quyền quản lý cán bộ đối với người có chức vụ, quyền hạn phải hủy bỏ ngay quyết định và thông báo công khai về việc hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác hoặc tạm thời chuyển sang vị trí công tác khác, khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của người có chức vụ, quyền hạn sau khi cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền kết luận người đó không có hành vi tham nhũng.

Thứ ba, chịu trách nhiệm khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách

Quy định về người đứng đầu chịu trách nhiệm khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách trong Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 là một trong những biện pháp phòng ngừa và được Chính phủ hướng dẫn chi tiết tại Nghị định số 107/2006/NĐ-CP, quy định xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách và Nghị định số 211/2013/NĐ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 107/2006/NĐ-CP.

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 tiếp tục quy định Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải chịu trách nhiệm trực tiếp khi để xảy ra tham nhũng của người do mình trực tiếp quản lý, giao nhiệm vụ. Cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải chịu trách nhiệm trực tiếp khi để xảy ra tham nhũng trong lĩnh vực công tác và trong đơn vị do mình được giao trực tiếp phụ trách; người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải chịu trách nhiệm liên đới. Điều 73 quy định việc xử lý trách nhiệm như sau:

Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp khi để xảy ra tham nhũng thì bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm liên đới khi để xảy ra tham nhũng thì bị xử lý kỷ luật.

Việc oai trừ, miễn, giảm hoặc bị tăng trách nhiệm pháp lý đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được xem xét trong các trường hợp sau đây:

- Được xem xét loại trừ trách nhiệm trong trường hợp không thể biết hoặc đã áp dụng các biện pháp cần thiết để phòng ngừa, ngăn chặn hành vi tham nhũng;

- Được xem xét miễn hoặc giảm trách nhiệm trong trường hợp đã áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn chặn, khắc phục hậu quả của hành vi tham nhũng hoặc đã chủ động, kịp thời phát hiện, báo cáo và xử lý tham nhũng theo quy định của pháp luật;

- Được xem xét miễn hoặc giảm hình thức kỷ luật nếu chủ động xin từ chức trước khi cơ quan có thẩm quyền phát hiện, xử lý, trừ trường hợp bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Bị xem xét tăng trách nhiệm trong trường hợp phát hiện hành vi tham nhũng mà không áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn chặn, khắc phục hậu quả của hành vi tham nhũng hoặc không kịp thời báo cáo, xử lý tham nhũng theo quy định của pháp luật.

Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu trong tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức xã hội để xảy ra tham nhũng trong tổ chức mình ngoài việc bị xử lý theo quy định còn bị xử lý theo điều lệ, quy chế, quy định của tổ chức đó.

b. Trách nhiệm của xã hội trong phòng, chống tham nhũng

Xã hội có vai trò và trách nhiệm rất lớn trong phòng, chống tham nhũng. Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X về

tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí đã xác chỉ rõ quan điểm trong phòng, chống tham nhũng là phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của toàn dân. Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 tục phát triển quan điểm này và ghi rõ: “Phòng, chống tham nhũng là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của các ngành, các cấp, nhấn mạnh trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị, đề cao vai trò của xã hội, các tổ chức đoàn thể và quần chúng nhân dân”.

Thể chế hóa các quan điểm của Đảng về phòng, chống tham nhũng nói chung và kế thừa các quan điểm trước đây về phòng, chống tham nhũng, Điều 74, 75, 76, 77 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định trách nhiệm của xã hội trong phòng, chống tham nhũng thông qua quy định về trách nhiệm của các thiết chế xã hội, bao gồm: Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận; trách nhiệm của cơ quan báo chí, nhà báo; trách nhiệm của doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề; trách nhiệm của công dân, Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng. Cụ thể là:

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận có trách nhiệm sau đây:

- + Tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng; phản biện xã hội, kiến nghị hoàn thiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; kiến nghị việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, xử lý tham nhũng;

- + Động viên Nhân dân tham gia tích cực vào việc phát hiện, phản ánh, tố cáo, cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng;

- + Cung cấp thông tin cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền trong việc phát hiện, xử lý tham nhũng;

- + Giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

- Trách nhiệm của cơ quan báo chí, nhà báo

- + Cơ quan báo chí, nhà báo có trách nhiệm đấu tranh chống tham nhũng, đưa tin về hoạt động phòng, chống tham nhũng và vụ việc tham nhũng.

- + Cơ quan báo chí, nhà báo có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền cung cấp thông tin liên quan đến hành vi tham nhũng. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp thông tin

theo quy định của pháp luật về báo chí và quy định khác của pháp luật có liên quan.

+ Cơ quan báo chí, nhà báo có trách nhiệm phản ánh khách quan, trung thực và chấp hành các quy định khác của pháp luật về báo chí, quy tắc đạo đức nghề nghiệp khi đưa tin về hoạt động phòng, chống tham nhũng và vụ việc tham nhũng.

- Trách nhiệm của doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề

+ Doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề có trách nhiệm tuyên truyền, động viên người lao động, thành viên, hội viên của mình thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện tham nhũng; kịp thời thông báo với cơ quan có thẩm quyền về hành vi tham nhũng.

+ Doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề có trách nhiệm kiến nghị hoàn thiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

+ Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền phối hợp với hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề tổ chức diễn đàn đề trao đổi, cung cấp thông tin, phục vụ công tác phòng, chống tham nhũng.

- Trách nhiệm của công dân, Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng

+ Công dân tự mình hoặc thông qua Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng hoặc thông qua tổ chức mà mình là thành viên tham gia phòng, chống tham nhũng.

+ Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

c. Trách nhiệm của doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước trong lĩnh vực phòng, chống tham nhũng

Trách nhiệm của doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước trong việc thực hiện các biện pháp phòng, chống tham nhũng là nội dung mới được quy định Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, thể hiện một bước hoàn thiện của pháp luật về phòng, chống tham nhũng khi dần mở rộng phạm vi phòng, chống tham nhũng ra khu vực tư. Việc mở rộng phòng, chống tham

những ra khu vực tư cũng là một trong những xu hướng chung của cộng đồng quốc tế trong phòng, chống tham nhũng.

Điều 12 Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng quy định: “Trên cơ sở phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước mình, mỗi quốc gia thành viên sẽ tiến hành các biện pháp để phòng ngừa tham nhũng liên quan đến khu vực tư, tăng cường các tiêu chuẩn kế toán và kiểm toán trong khu vực tư và, khi thích hợp, ban hành những chế tài dân sự, hành chính hoặc hình sự hiệu quả tương xứng và có tính răn đe đối với những hành vi không tuân thủ các biện pháp này” và đưa ra một số khuyến nghị cụ thể đối với các quốc gia thành viên như: “Thúc đẩy xây dựng các chuẩn mực và thủ tục nhằm bảo vệ sự liêm khiết của các tổ chức tư nhân tương ứng, trong đó có quy tắc ứng xử về tính chính xác, tính chính trực và tính đúng đắn trong hoạt động kinh doanh và tất cả các nghề nghiệp liên quan, đồng thời thúc đẩy công tác phòng ngừa xung đột lợi ích, thúc đẩy nhân rộng các thực tiễn thương mại tốt trong hoạt động kinh doanh và trong quan hệ hợp đồng với quốc gia đó”.

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 đã quy định trách nhiệm của doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước trong lĩnh vực phòng, chống tham nhũng trên cả phương diện là trách nhiệm trong phòng, chống tham nhũng và trách nhiệm phòng, chống tham nhũng trong các doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước. Về trách nhiệm chung, doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước có trách nhiệm thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng; kịp thời phát hiện, phản ánh và phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để ngăn chặn, xử lý tham nhũng xảy ra trong doanh nghiệp, tổ chức mình theo quy định của pháp luật và điều lệ, quy chế, quy định của doanh nghiệp, tổ chức; kịp thời cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng của người có chức vụ, quyền hạn và phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để ngăn chặn, xử lý tham nhũng.

Bên cạnh đó, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 đã dành riêng một chương (Chương VI) về phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước, tập trung vào hai trụ cột chính đó là xây dựng văn hóa kinh doanh lành mạnh, không tham nhũng và áp dụng Luật phòng, chống tham nhũng đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước.

Thứ nhất, về xây dựng văn hóa kinh doanh lành mạnh, không tham nhũng, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định việc xây dựng và

thực hiện quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy tắc đạo đức kinh doanh, quy tắc ứng xử và cơ chế kiểm soát nội bộ.

Quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy tắc đạo đức kinh doanh là chuẩn mực ứng xử phù hợp với đặc thù chuyên môn, nghề nghiệp của người hành nghề, người hoạt động kinh doanh nhằm bảo đảm liêm chính trong hành nghề, kinh doanh. Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 khuyến khích doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, căn cứ vào quy định của Luật này và luật khác có liên quan, ban hành quy tắc đạo đức kinh doanh, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đối với người lao động, thành viên, hội viên của mình.

Bên cạnh đó, các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác còn phải ban hành, thực hiện quy tắc ứng xử, cơ chế kiểm soát nội bộ nhằm phòng ngừa xung đột lợi ích, ngăn chặn hành vi tham nhũng và xây dựng văn hóa kinh doanh lành mạnh, không tham nhũng. Hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề có trách nhiệm tổ chức, động viên, khuyến khích thành viên, hội viên xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh, không tham nhũng; giám sát việc chấp hành pháp luật về phòng, chống tham nhũng của thành viên, hội viên, tích cực tham gia vào việc hoàn thiện chính sách, pháp luật.

Thứ hai, về áp dụng Luật phòng, chống tham nhũng đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước

Điều 80 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 đã xác định trách nhiệm áp dụng các biện pháp phòng, chống tham nhũng trong công ty đại chúng, tổ chức tín dụng và đối với tổ chức xã hội do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ có huy động các khoản đóng góp của Nhân dân để hoạt động từ thiện. Những biện pháp phòng, chống tham nhũng bắt buộc phải thực hiện bao gồm:

- Nguyên tắc công khai, minh bạch, nội dung công khai, minh bạch, hình thức công khai, trách nhiệm thực hiện việc công khai, minh bạch quy định tại Điều 9, các điểm a, c và d khoản 1 Điều 10, Điều 11 và Điều 12 của Luật Phòng, chống tham nhũng

- Kiểm soát xung đột lợi ích quy định tại Điều 23 của Luật Phòng, chống tham nhũng;

- Trách nhiệm, xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu quy định tại Điều 72, các điểm a, b và d khoản 3 Điều 73 của Luật Phòng, chống tham nhũng.

Để bảo đảm cho việc áp dụng Luật phòng, chống tham nhũng đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước, Điều 82 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 còn quy định về thẩm quyền, nội dung, trình tự, thủ tục thanh tra việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước và việc phát hiện tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước. Cụ thể như sau:

- Doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước có trách nhiệm tự kiểm tra để kịp thời phát hiện, xử lý và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý hành vi tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức mình.

- Cơ quan thanh tra khi tiến hành hoạt động thanh tra nếu phát hiện hành vi tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước có trách nhiệm xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khi phát hiện hành vi tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước có trách nhiệm phản ánh, tố cáo, báo cáo theo quy định.

d. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong phòng, chống tham nhũng

Phòng, chống tham nhũng là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị. Trong đó, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước có vai trò đặc biệt quan trọng. Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 đã quy định riêng một chương (Chương VII) về trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong phòng, chống tham nhũng.

Trước hết, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định đơn vị chuyên trách về chống tham nhũng, theo đó, trong Thanh tra Chính phủ, Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có đơn vị chuyên trách về chống tham nhũng. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị chuyên trách về chống tham nhũng trong Viện kiểm sát nhân dân tối cao trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn. Tổng thanh tra Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Công an quy định tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị chuyên trách về chống tham nhũng trong Thanh tra Chính phủ, Bộ Công an.

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định trách nhiệm cụ thể của các cơ quan nhà nước như sau:

- *Trách nhiệm của Chính phủ:*

Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về công tác phòng, chống tham nhũng trong phạm vi cả nước.

- *Trách nhiệm của Thanh tra Chính phủ:*

Thanh tra Chính phủ là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ quản lý nhà nước về công tác phòng, chống tham nhũng và có trách nhiệm sau đây:

+ Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

+ Quản lý việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng theo thẩm quyền;

+ Thanh tra, kiểm tra công tác phòng, chống tham nhũng theo thẩm quyền; tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn công tác thanh tra việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

+ Quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập;

+ Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác phòng, chống tham nhũng;

+ Xây dựng báo cáo hằng năm về công tác phòng, chống tham nhũng.

- *Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ:*

+ Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tổ chức hoạt động điều tra tội phạm tham nhũng.

+ Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Thanh tra Chính phủ quản lý nhà nước về công tác phòng, chống tham nhũng.

- *Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp*

+ Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

+ Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

+ Chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng;

+ Tổ chức công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về phòng, chống tham nhũng;

+ Hằng năm, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp về công tác phòng, chống tham nhũng.

- Trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao

+ Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm tổ chức thực hiện, chỉ đạo thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đối với tội phạm tham nhũng; điều tra tội phạm tham nhũng trong hoạt động tư pháp mà người phạm tội là cán bộ, công chức thuộc Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Cơ quan thi hành án, người có thẩm quyền tiến hành hoạt động tư pháp.

+ Tòa án nhân dân tối cao giám đốc thẩm, tái thẩm các vụ án tham nhũng thuộc thẩm quyền, giám đốc việc xét xử các vụ án tham nhũng của các tòa án khác, tổng kết thực tiễn xét xử, bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử các vụ án tham nhũng.

- Trách nhiệm của Kiểm toán nhà nước

Kiểm toán nhà nước có trách nhiệm kiểm toán nhằm phòng ngừa, phát hiện tham nhũng, kiểm toán vụ việc có dấu hiệu tham nhũng theo quy định của pháp luật.

- Trách nhiệm phối hợp của Cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân và cơ quan, tổ chức, đơn vị khác

+ Cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với nhau và phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị khác trong phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý tham nhũng; phối hợp trong việc tổng hợp, đánh giá, dự báo tình hình tham nhũng; kiến nghị chính sách, pháp luật, giải pháp phòng, chống tham nhũng.

+ Cơ quan, tổ chức, đơn vị khác, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tạo điều kiện, phối hợp với Cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân trong việc phát hiện, xử lý tham nhũng.

- Liên quan đến trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong phòng, chống tham nhũng, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 còn quy định

riêng một chương (Chương VIII) về hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng, với trách nhiệm cụ thể của các cơ quan như sau:

+ Thanh tra Chính phủ phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an và cơ quan khác thực hiện hợp tác quốc tế về nghiên cứu, đào tạo, xây dựng chính sách, hỗ trợ tài chính, trợ giúp kỹ thuật, trao đổi thông tin, kinh nghiệm trong phòng, chống tham nhũng.

+ Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện hợp tác quốc tế về tương trợ tư pháp trong phòng, chống tham nhũng.

+ Viện kiểm sát nhân dân tối cao là cơ quan trung ương về hợp tác quốc tế thu hồi tài sản tham nhũng trong tố tụng hình sự; tiếp nhận, xử lý yêu cầu tương trợ tư pháp hình sự của nước ngoài về thu hồi tài sản tham nhũng và đề nghị nước ngoài thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp hình sự về thu hồi tài sản tham nhũng của Việt Nam.

+ Thanh tra Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và cơ quan nhà nước có liên quan, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản tham nhũng.

e. Xử lý tham nhũng và hành vi vi phạm pháp luật khác về phòng, chống tham nhũng

Xử lý tham nhũng và hành vi vi phạm pháp luật khác về phòng, chống tham nhũng là vấn đề rất quan trọng được quy định riêng một chương (Chương IX) trong Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

Trước hết, Điều 92 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định những nguyên tắc trong việc xử lý người có hành vi tham nhũng và xử lý tài sản tham nhũng.

- Về xử lý người có hành vi tham nhũng:

+ Người có hành vi tham nhũng giữ bất kì chức vụ, vị trí công tác nào đều phải bị xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật, kể cả người đã nghỉ hưu, thôi việc, chuyển công tác.

+ Người có hành vi tham nhũng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, phải bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

+ Trường hợp người có hành vi tham nhũng bị xử lý kỷ luật là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thì bị xem xét tăng hình thức kỷ luật.

+ Người có hành vi tham nhũng đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác, tích cực hợp tác với cơ quan có thẩm quyền, góp phần hạn chế thiệt hại, tự giác nộp lại tài sản tham nhũng, khắc phục hậu quả của hành vi tham nhũng thì được xem xét giảm hình thức kỷ luật, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt hoặc miễn trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

+ Người bị kết án về tội phạm tham nhũng là cán bộ, công chức, viên chức mà bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật thì đương nhiên bị buộc thôi việc đối với đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân thì đương nhiên mất quyền đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Về xử lý tài sản tham nhũng

+ Tài sản tham nhũng phải được thu hồi, trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp hoặc tịch thu theo quy định của pháp luật.

+ Thiệt hại do hành vi tham nhũng gây ra phải được khắc phục; người có hành vi tham nhũng gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Đồng thời, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 còn quy định việc xử lý đối với hành vi khác vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong khu vực nhà nước và trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước.

- Hành vi khác vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng là trong cơ quan, tổ chức, đơn vị trong khu vực nhà nước bao gồm:

+ Vi phạm quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

+ Vi phạm quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ;

+ Vi phạm quy định về quy tắc ứng xử;

+ Vi phạm quy định về xung đột lợi ích;

+ Vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn;

+ Vi phạm quy định về nghĩa vụ báo cáo về hành vi tham nhũng và xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng;

+ Vi phạm quy định về nghĩa vụ trung thực trong kê khai tài sản, thu nhập, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm;

+ Vi phạm quy định về thời hạn kê khai tài sản, thu nhập hoặc vi phạm quy định khác về kiểm soát tài sản, thu nhập.

Người có hành vi vi phạm trên đây thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Riêng vi phạm quy định về nghĩa vụ trung thực trong kê khai tài sản, thu nhập, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm thì bị xử lý hành vi kê khai tài sản, thu nhập không trung thực, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm không trung thực.

- Doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước là công ty đại chúng, tổ chức tín dụng và tổ chức xã hội do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ có huy động các khoản đóng góp của Nhân dân để hoạt động từ thiện vi phạm quy định về áp dụng các biện pháp phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý như sau:

+ Doanh nghiệp, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;

+ Người giữ chức danh, chức vụ quản lý trong doanh nghiệp, tổ chức bị xử lý theo điều lệ, quy chế, quy định của doanh nghiệp, tổ chức đó.

Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức không thực hiện các biện pháp xử lý đối với người giữ chức danh, chức vụ quản lý thì bị cơ quan có thẩm quyền thanh tra công bố công khai về tên, địa chỉ và hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật./.